

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: DA2

Học kỳ 2 - Năm học 2020-2021

Đơn vị: Viện NC&PT Công nghệ Sinh học

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
Ngành học: Công nghệ sinh học (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1303802	Lý Anh Kiệt	23/10/95	DA1366A2		2.65	132	Khá	Công nghệ sinh học		
2	B1603806	Nguyễn Văn Lợi	15/01/98	DA1666A1		3.22	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
3	B1603880	Nguyễn Ngọc Phi Giao	02/08/98	DA1666A2		3.20	151	Giỏi	Công nghệ sinh học		
4	B1703231	Nguyễn Văn Tuấn Anh	03/02/99	DA1766A1		3.18	140	Khá	Công nghệ sinh học		
5	B1703245	Nguyễn Tuấn Đạt	26/06/99	DA1766A1		2.92	145	Khá	Công nghệ sinh học		
6	B1703253	Nguyễn Hữu Huy	17/03/99	DA1766A1		2.72	144	Khá	Công nghệ sinh học		
7	B1703260	Nguyễn Đăng Khoa	04/04/99	DA1766A1		3.45	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
8	B1703261	Đinh Quốc Kiệt	07/08/99	DA1766A1		2.81	142	Khá	Công nghệ sinh học		
9	B1703264	Ngô Thị Thúy Liễu	12/03/99	DA1766A1	N	3.56	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
10	B1703276	Lê Quốc Nghĩa	26/11/99	DA1766A1		2.71	144	Khá	Công nghệ sinh học		
11	B1703280	Lê Kiều Nguyệt	14/01/99	DA1766A1	N	3.65	147	Xuất sắc	Công nghệ sinh học		
12	B1703291	Vũ Phan Hoàng Phúc	28/02/99	DA1766A1		3.24	145	Giỏi	Công nghệ sinh học		
13	B1703295	Trần Ngọc Quyên	09/09/99	DA1766A1	N	3.19	141	Khá	Công nghệ sinh học		
14	B1703296	Võ Công Tạo	23/02/99	DA1766A1		3.50	142	Giỏi	Công nghệ sinh học		
15	B1703298	Đặng Thị Phương Thảo	08/12/99	DA1766A1	N	3.43	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
16	B1703299	Trần Mai Thảo	19/05/99	DA1766A1	N	3.53	147	Giỏi	Công nghệ sinh học		
17	B1703300	Trần Trương Phương Thảo	29/09/99	DA1766A1	N	3.84	142	Xuất sắc	Công nghệ sinh học		
18	B1703302	Trần Thị Ngọc Thi	23/11/99	DA1766A1	N	3.41	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
19	B1703305	Phạm Thị Anh Thơ	01/09/99	DA1766A1	N	3.26	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
20	B1703307	Huỳnh Thị Minh Thư	29/10/99	DA1766A1	N	3.60	140	Xuất sắc	Công nghệ sinh học		
21	B1703310	Lữ Thị Mỹ Tiên	08/12/99	DA1766A1	N	3.55	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
22	B1703311	Phan Thanh Tín	02/03/99	DA1766A1		3.22	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
23	B1703312	Khưu Hoàng Phương Trang	22/07/99	DA1766A1	N	3.49	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
24	B1703316	Phạm Hồ Bảo Trân	23/06/99	DA1766A1	N	3.38	147	Giỏi	Công nghệ sinh học		
25	B1703317	Thái Võ Thanh Trúc	02/09/99	DA1766A1	N	3.28	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
26	B1703322	Nguyễn Thị Diễm Xuân	09/03/99	DA1766A1	N	3.33	144	Giỏi	Công nghệ sinh học		
27	B1703326	Võ Dương Lan Anh	14/11/99	DA1766A2	N	3.62	140	Xuất sắc	Công nghệ sinh học		
28	B1703327	Nguyễn Thị Mỹ Ái	29/04/99	DA1766A2	N	3.65	140	Xuất sắc	Công nghệ sinh học		
29	B1703330	Phạm Thị Bông	20/06/97	DA1766A2	N	2.59	140	Khá	Công nghệ sinh học		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: DA2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
30	B1703331	Đặng Ngọc Bảo Châu	11/11/99	DA1766A2	N	3.08	142	Khá	Công nghệ sinh học		
31	B1703332	Huỳnh Thị Chen	01/01/99	DA1766A2	N	3.20	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
32	B1703343	Trần Hữu Hậu	18/04/99	DA1766A2		3.28	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
33	B1703344	Đặng Huy Hòa	17/02/99	DA1766A2		3.26	142	Giỏi	Công nghệ sinh học		
34	B1703346	Lê Hiếu Huy	27/01/99	DA1766A2		3.42	147	Giỏi	Công nghệ sinh học		
35	B1703348	Nguyễn Thị Khánh Huỳnh	27/04/99	DA1766A2	N	3.23	142	Giỏi	Công nghệ sinh học		
36	B1703353	Đỗ Thị Yến Khoa	06/07/99	DA1766A2	N	3.22	147	Giỏi	Công nghệ sinh học		
37	B1703354	Lưu Minh Khôi	28/04/99	DA1766A2		3.35	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
38	B1703355	Đỗ Phương Kiều	08/02/99	DA1766A2	N	3.34	144	Giỏi	Công nghệ sinh học		
39	B1703356	Dương Thị Ngọc Lan	08/03/99	DA1766A2	N	3.19	140	Khá	Công nghệ sinh học		
40	B1703357	Huỳnh Văn Liêm	18/03/99	DA1766A2		3.89	145	Xuất sắc	Công nghệ sinh học		
41	B1703358	Bùi Thị Ngọc Linh	04/06/99	DA1766A2	N	3.33	142	Giỏi	Công nghệ sinh học		
42	B1703359	Huỳnh Lê Khánh Linh	07/03/99	DA1766A2	N	3.39	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
43	B1703360	Nguyễn Mỹ Linh	02/11/99	DA1766A2	N	3.27	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
44	B1703361	Dương Thế Long	27/09/99	DA1766A2		3.67	140	Xuất sắc	Công nghệ sinh học		
45	B1703363	Nguyễn Trang Luyl	08/04/99	DA1766A2	N	2.99	143	Khá	Công nghệ sinh học		
46	B1703364	Lê Thị Trúc Mai	15/06/99	DA1766A2	N	3.47	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
47	B1703365	Mai Thị Hồng Muội	30/09/99	DA1766A2	N	3.44	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
48	B1703366	Nguyễn Thiện Mỹ	02/11/99	DA1766A2	N	3.39	144	Giỏi	Công nghệ sinh học		
49	B1703372	Nguyễn Thanh Thảo Nguyên	18/08/99	DA1766A2	N	2.98	141	Khá	Công nghệ sinh học		
50	B1703373	Trần Tiểu Nguyên	13/03/99	DA1766A2	N	2.92	142	Khá	Công nghệ sinh học		
51	B1703378	Ngô Yến Nhi	16/07/99	DA1766A2	N	3.23	142	Giỏi	Công nghệ sinh học		
52	B1703379	Trần Thị Hồng Nhiên	22/08/99	DA1766A2	N	3.41	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
53	B1703380	Lâm Thị Quỳnh Như	10/05/99	DA1766A2	N	3.25	141	Giỏi	Công nghệ sinh học		
54	B1703383	Liêu Thái Phú	16/12/99	DA1766A2		2.87	144	Khá	Công nghệ sinh học		
55	B1703384	Trần Lai Diễm Phúc	27/11/99	DA1766A2	N	2.95	144	Khá	Công nghệ sinh học		
56	B1703385	Nguyễn Huỳnh Trúc Phương	25/02/99	DA1766A2	N	3.09	141	Khá	Công nghệ sinh học		
57	B1703386	Nguyễn Minh Phước	01/11/99	DA1766A2		3.31	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
58	B1703387	Nguyễn Thị Bích Phượng	22/12/99	DA1766A2	N	2.82	140	Khá	Công nghệ sinh học		
59	B1703392	Huỳnh Thị Thu Thảo	29/11/99	DA1766A2	N	3.25	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
60	B1703396	Nguyễn Hữu Thiện	04/02/99	DA1766A2		3.58	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
61	B1703398	Trần Trung Thống	15/06/99	DA1766A2		3.06	148	Khá	Công nghệ sinh học		
62	B1703399	Nguyễn Minh Thuận	08/12/99	DA1766A2		3.21	142	Giỏi	Công nghệ sinh học		
63	B1703401	Lê Thị Anh Thư	01/05/99	DA1766A2	N	3.14	145	Khá	Công nghệ sinh học		
64	B1703403	Phạm Ngọc Hà Thy	18/09/99	DA1766A2	N	3.60	140	Xuất sắc	Công nghệ sinh học		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: DA2

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
65	B1703404	Phan Thị Hồng Tiệp	02/02/99	DA1766A2	N	3.37	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
66	B1703408	Thái Huỳnh Ngọc Trâm	08/03/99	DA1766A2	N	3.44	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
67	B1703409	Nguyễn Thị Huyền Trân	05/10/99	DA1766A2	N	3.34	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
68	B1703411	Trần Thị Thanh Trúc	01/03/99	DA1766A2	N	3.42	143	Giỏi	Công nghệ sinh học		
69	B1703415	La Huyền Xê	19/01/99	DA1766A2	N	3.41	147	Giỏi	Công nghệ sinh học		
70	B1703416	Trần Huỳnh Trúc Y	21/09/99	DA1766A2	N	3.25	143	Giỏi	Công nghệ sinh học		
71	B1703418	Trần Thị Như Ý	08/06/99	DA1766A2	N	3.55	140	Giỏi	Công nghệ sinh học		
72	C1800001	Nguyễn Thị Kim Huệ	16/09/97	DA1866A2	N	2.78	140	Khá	Công nghệ sinh học		

Ngành học: Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến) (Hệ Đại học - Chính quy)

1	B1603783	Bí Trường Giang	04/05/98	DA1666T1		3.75	164	Xuất sắc	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)		
2	B1603787	Mã Nguyễn Gia Hân	08/10/98	DA1666T1	N	3.50	164	Giỏi	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)		
3	B1603815	Tăng Lê Thái Ngọc	10/02/98	DA1666T1	N	3.65	164	Xuất sắc	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)		
4	B1603823	Thái Chí Phong	08/02/98	DA1666T1		3.35	163	Giỏi	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)		
5	B1603865	Hồ Xuân Bách	29/11/98	DA1666T1		3.01	164	Khá	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)		
6	B1603932	Mai Xuân Thanh	18/09/95	DA1666T1		2.91	166	Khá	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)		
7	B1605066	Phạm Thị Phương Anh	06/04/98	DA1666T1	N	3.10	164	Khá	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)		
8	B1605085	Lê Nguyễn Phi Hùng	09/01/98	DA1666T1		2.71	164	Khá	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)		
9	B1605168	Huỳnh Phạm Ngọc Nhi	29/03/98	DA1666T1	N	3.04	164	Khá	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)		
10	B1605171	Ngô Võ Quỳnh Như	27/06/98	DA1666T1	N	2.98	163	Khá	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)		
11	B1608748	Nguyễn Minh Nguyễn	26/03/98	DA1666T1		2.88	164	Khá	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)		

Ngành học: Sinh học (Hệ Đại học - Chính quy)

Chuyên ngành: Vi sinh vật học

1	B1401349	Phan Thị Thảo Trúc	28/04/96	DA14Y3A1	N	2.70	140	Khá	Sinh học	Vi sinh vật học	
---	----------	--------------------	----------	----------	---	------	-----	-----	----------	-----------------	--

Ngành học: Sinh học (Hệ Đại học - Chính quy)

Chuyên ngành: Vi sinh vật học

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: DA2

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
2	B1605124	Lê Thị Ngọc Trâm	12/10/98	DA16Y3A1	N	2.92	151	Khá	Sinh học	Ví sinh vật học	
3	B1704471	Nguyễn Thị Mỹ Á	11/02/99	DA17Y3A1	N	3.52	140	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
4	B1704481	Nguyễn Thị Kim Hoàng	07/09/99	DA17Y3A1	N	3.27	142	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
5	B1704492	Lê Phương Mỹ Ngọc	04/06/99	DA17Y3A1	N	2.94	140	Khá	Sinh học	Ví sinh vật học	
6	B1704493	Phạm Như Ngọc	05/02/98	DA17Y3A1	N	3.24	140	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
7	B1704494	Trịnh Tường Nguyên	04/10/99	DA17Y3A1	N	3.09	140	Khá	Sinh học	Ví sinh vật học	
8	B1704496	Huỳnh Yến Nhi	22/12/99	DA17Y3A1	N	3.23	140	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
9	B1704503	Lê Thị Tú Quyên	30/04/99	DA17Y3A1	N	3.22	142	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
10	B1704520	Huỳnh Thị Diễm Trinh	21/05/99	DA17Y3A1	N	3.09	140	Khá	Sinh học	Ví sinh vật học	
11	B1704525	Bùi Thị Ngọc Vi	18/12/99	DA17Y3A1	N	3.07	140	Khá	Sinh học	Ví sinh vật học	
12	B1704531	Đặng Thị Như Ý	/ /99	DA17Y3A1	N	3.42	140	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
13	B1704539	Nguyễn Khánh Duy	16/04/99	DA17Y3A1		3.21	142	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
14	B1704543	Vương Thị Hằng	02/02/99	DA17Y3A1	N	2.96	140	Khá	Sinh học	Ví sinh vật học	
15	B1704545	Huỳnh Quốc Huy	03/03/99	DA17Y3A1		3.25	140	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
16	B1704546	Trương Thị Ngọc Huyền	28/11/99	DA17Y3A1	N	3.39	142	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
17	B1704547	Phạm Thúy Huỳnh	11/02/99	DA17Y3A1	N	3.52	140	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
18	B1704557	Nguyễn Đắc Nguyên	17/04/99	DA17Y3A1		3.22	140	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
19	B1704572	Lâm Cảnh Tân	19/07/98	DA17Y3A1		2.82	140	Khá	Sinh học	Ví sinh vật học	
20	B1704588	Trần Kim Uyên	30/01/99	DA17Y3A1	N	3.44	146	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
21	B1704589	Lê Quốc Việt	20/12/99	DA17Y3A1		3.27	144	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
22	B1704590	Phạm Hoàng Vũ	28/09/99	DA17Y3A1		3.28	140	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
23	B1709936	Nguyễn Thị Thảo Ly	02/01/99	DA17Y3A1	N	3.27	140	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
24	B1709937	Trần Thị Phương Ngân	11/01/99	DA17Y3A1	N	3.23	144	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
25	B1709942	Nguyễn Thị Anh Thư	26/11/99	DA17Y3A1	N	3.25	144	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	
26	B1709944	Nguyễn Thị Lan Anh	20/09/99	DA17Y3A1	N	2.77	140	Khá	Sinh học	Ví sinh vật học	
27	B1709947	Phạm Phước Hưng	01/09/96	DA17Y3A1		2.68	140	Khá	Sinh học	Ví sinh vật học	
28	B1709952	Nguyễn Kiều Oanh	11/10/99	DA17Y3A1	N	3.00	144	Khá	Sinh học	Ví sinh vật học	
29	B1709954	Lê Hương Quỳnh	15/07/99	DA17Y3A1	N	3.28	140	Giỏi	Sinh học	Ví sinh vật học	

Tổng số danh sách: 112 sinh viên

Ngày 07 tháng 07 năm 2021

Trường Viện NC&PT Công nghệ Sinh học

Trường phòng công tác sinh viên

Trường phòng đào tạo